

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

3.1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

3.1.1. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|--------------------|
| a) Hiểu biết về vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công. | Hiểu về vị trí của công trình; về thuận lợi và khó khăn mặt bằng thi công, có các phương án phối hợp giải quyết giữa chủ đầu tư và nhà thầu để phục vụ quá trình thi công, ... | Đạt/Chấp nhận được |
| | Không am hiểu địa bàn, không có phương án phối hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công, bố trí mặt bằng thi công. | Không đạt |
| b) Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, vị trí lấy mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có đầy đủ kế hoạch bố trí kho bãi, lán trại trong biện pháp thi công được nêu trong HSDT của nhà thầu. | Đạt/Chấp nhận được |
| | Không trình bày tổ chức công trường, hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| c) Thi công xây dựng: - Giải pháp kỹ thuật xây dựng đường dây trung thế: Xây dựng móng cột, tiếp địa đường dây, lắp dựng cột, lắp đặt cách điện, phụ kiện đường dây, kéo rải căng dây. - Giải pháp kỹ thuật Xây dựng trạm biến áp phân phối. - Giải pháp kỹ thuật xây dựng đường dây hạ thế: Xây dựng móng cột, tiếp địa đường dây, lắp dựng cột, lắp đặt phụ kiện đường dây, kéo rải căng dây. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| d) Giải pháp tháo dỡ, thu hồi vật tư, lắp đặt lại các vật tư đã thu hồi. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết a, b được xác định là đạt hoặc chấp nhận được; c, d được xác định | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------|--------------------------------------|-----------|
| | | là đạt. |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.1.2. Biện pháp tổ chức thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đánh giá | |
|---|--|-----------|
| | | |
| a) Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị | Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý | Đạt |
| | Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự. | Không đạt |
| b) Biện pháp thi công - Xây dựng đường dây trung thế: Xây dựng móng cột, tiếp địa đường dây, lắp dựng cột, lắp đặt cách điện, phụ kiện đường dây, kéo rải căng dây. - Xây dựng trạm biến áp phân phối. - Xây dựng đường dây hạ thế: Xây dựng móng cột, tiếp địa đường dây, lắp dựng cột, lắp đặt phụ kiện đường dây, kéo rải căng dây. | Có nêu biện pháp thi công đầy đủ, chi tiết theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. Có các bản vẽ thể hiện rõ các phương án thi công. | Đạt |
| | Không nêu biện pháp thi công các hạng mục công việc chính theo yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết a, b được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.2. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| | | |
| a) Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 125 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 125 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 125 ngày | Không đạt |
| b) Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết a, b được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.3. Các biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đánh giá | |
|---|---|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chất lượng vật tư: Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. - Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (đào, đắp đất, thi công vật liệu giảm điện trở, lắp đặt chống sét...): Quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công. - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. - Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình. | Trình bày đầy đủ các yêu cầu về quản lý bảo đảm chất lượng trong công tác thi công đúng quy trình, quy phạm. | Đạt |
| | Không nêu hoặc nêu nhưng không đầy đủ các biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công ở biện pháp thi công công trình. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.4. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| a) An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| b) Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| c) Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------|---|-----------|
| | chức thi công. | |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết a, b, c được xác định là đạt | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------------|---|-----------|
| Thời gian bảo hành 18 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 18 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 18 tháng. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.6. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, vật tư, vật liệu

3.6.1. Thông số kỹ thuật của thiết bị, vật tư, vật liệu

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| a) Thông số kỹ thuật các thiết bị, vật tư, vật liệu. | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu rõ cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của của E- HSMT (Theo các yêu cầu trong chương V yêu cầu kỹ thuật của HSMT). - Có đầy đủ các tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, bản vẽ,... của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Có bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của của E-HSMT. - Nhà thầu chỉ được đánh giá đạt nếu tất cả các mục yêu cầu kỹ thuật quy định tại “3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử)” - “III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật” - “Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật” trong E-HSMT được đánh giá là đạt. <p><i>Lưu ý: Nếu một chủng loại vật tư thiết bị chính trong E-HSMT nhà thầu chào nhiều hơn một Nhà sản xuất, thì tất cả các nhà sản xuất phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại chương V của E-HSMT.</i></p> | Đạt |
| | Không có hoặc có nhưng không đạt, bao gồm cả trường hợp nhà thầu chào nhiều nhà sản xuất cho mỗi loại vật tư thiết bị và có ít nhất 01 (một) nhà sản xuất không đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.6.2. Tính đáp ứng của thiết bị, vật tư, vật liệu chào thầu

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| <p>a) Cung cấp giấy chứng nhận là đại lý chính thức của NSX hoặc giấy ủy quyền (hoặc giấy phép bán hàng) của NSX nếu nhà thầu không phải là NSX đối với các loại hàng hóa chào thầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tủ điện + Dây dẫn + Chống sét + Cầu chì tự rơi + Cách điện <p>Trường hợp, trong HSDT, nhà thầu không đóng kèm giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá HSDT. Nhà thầu chỉ được trao hợp đồng sau khi đã đệ trình cho Chủ đầu tư giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.</p> | Có cung cấp hoặc có cam kết cấp trước khi ký hợp đồng nếu trúng thầu | Đạt |
| | Không có và không cam kết cấp trước khi ký hợp đồng nếu trúng thầu | Không đạt |
| <p>b) Cung cấp tài liệu để chứng minh Nhà sản xuất có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất hàng hóa chào thầu, đối với các loại hàng hóa chào thầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tủ điện + Dây dẫn + Chống sét + Cầu chì tự rơi + Cách điện | Có cung cấp hoặc có cam kết cấp trước khi ký hợp đồng nếu trúng thầu | Đạt |
| | Không có | Không đạt |
| <p>c) Có xác nhận của khách hàng về việc sử dụng thành công hàng hóa chào thầu, chứng minh hàng hoá chào thầu đã được sử dụng thành công 2 công trình trên lưới điện Việt Nam, đối với các loại hàng hóa chào thầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tủ điện + Dây dẫn + Chống sét + Cầu chì tự rơi + Cách điện | Có cung cấp hoặc có cam kết cấp trước khi ký hợp đồng nếu trúng thầu | Đạt |
| | Không có | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết a, b, c được xác định là đạt | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3.7. Uy tín của nhà thầu

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----|
| Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng | Không có hợp đồng bị đánh giá “Không đạt” hoặc không có từ hai (02) hợp đồng bị đánh | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| trước đó tại Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. <i>Đánh giá theo văn bản số 1613/EVNNPC-QLĐT ngày 12/4/2024.</i> | giá “Cảnh báo” tại Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. | |
| | Có hợp đồng bị đánh giá “Không đạt” hoặc có từ hai (02) hợp đồng bị đánh giá “Cảnh báo” tại Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Trường hợp không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.